

Số: 20/2016/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
ngân sách chi thường xuyên ở địa phương năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 7376/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên ở địa phương năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên ở địa phương năm 2017.

Điều 2. Định mức phân bổ chi thường xuyên quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020.

Các văn bản, quy định được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được bãi bỏ, thay thế, sửa đổi trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi, thay thế hoặc bổ sung các văn bản, quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chỉ đạo, điều hành các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 156/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Lâm Đồng năm 2011 và sửa đổi điểm 2 mục III Điều 1 Nghị quyết số 87/2013/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12

năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa IX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./. *H.T.*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TTTU, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Trần Đức Quận

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách
chi thường xuyên ở địa phương năm 2017**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20 /2016/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

**Chương I
NGUYÊN TẮC CHUNG**

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Phù hợp khả năng cân đối của ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020.
2. Đảm bảo kinh phí thực hiện tất cả các chế độ chính sách của Nhà nước của địa phương, trung ương đã ban hành đến ngày 31 tháng 10 năm 2016 và bao gồm nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ tiền lương theo mức tiền lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.
3. Bảo đảm dự toán chi từng đơn vị dự toán và từng cấp ngân sách khi thực hiện định mức phân bổ mới không thấp hơn so với dự toán năm 2011 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.
4. Định mức này không phải là định mức chi thường xuyên. Định mức này là cơ sở để ngân sách địa phương phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách tỉnh. Các địa phương căn cứ vào mức phân bổ của ngân sách cấp trên, tình hình thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và các chế độ, định mức chi hiện hành để phân bổ kinh phí cho các đơn vị trên cơ sở đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao.
5. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, trong quá trình phân bổ dự toán chi, ngoài việc căn cứ vào định mức chi quy định còn phải căn cứ vào nguồn thu và cơ chế tài chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
6. Đây là định mức chi cơ bản đáp ứng thực nhiệm vụ của các địa phương, đơn vị. Trong quá trình thực hiện, các địa phương, đơn vị phải tăng cường xã hội hóa theo chủ trương của Chính phủ để tăng kinh phí hoạt động.
7. Định mức phân bổ này để thực hiện các nhiệm vụ chi được phân cấp tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách giai đoạn 2017 - 2020.
8. Chỉ tiêu dân số làm cơ sở để phân bổ ngân sách năm 2017 là dân số trung bình của các địa phương năm 2016 theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh. Địa phương có dân số dưới 30.000 người được tính theo dân số 30.000 người.

Chương II

TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH CHI THƯỜNG XUYỀN

Điều 2. Một số tiêu chí và phương pháp phân bổ chung

1. Sự nghiệp giáo dục và khoa học công nghệ phân bổ theo phương pháp và mức phân bổ của trung ương.

2. Sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường và chi khác ngân sách: Phân bổ theo tỷ trọng trên tổng chi thường xuyên của các cấp ngân sách (không bao gồm kinh phí theo mục tiêu cho giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội).

3. Các sự nghiệp y tế (hệ dự phòng), văn hóa thông tin, phát thanh - truyền hình, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội và chi an ninh, quốc phòng: Phân bổ theo dân số.

- Đối với cấp tỉnh: Theo dân số toàn tỉnh;

- Đối với cấp huyện: Theo dân số trên địa bàn huyện, thành phố.

4. Trên cơ sở số kinh phí được phân bổ đối với các sự nghiệp kinh tế, môi trường, y tế (hệ dự phòng), khoa học và công nghệ, văn hóa thông tin, phát thanh - truyền hình, thể dục thể thao, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ dự toán cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sự nghiệp này như sau:

a) Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số biên chế, định biên được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 2% tổng quỹ lương;

b) Phân bổ chi khác bằng 80% định mức chi khác của khối quản lý hành chính quy định tại khoản 12 Quy định này;

c) Phần kinh phí còn lại được phân bổ cho các nhiệm vụ được giao trong từng sự nghiệp (đối với cấp tỉnh) hoặc được sử dụng cho các nhiệm vụ khác, sự nghiệp khác (đối với cấp huyện).

Điều 3. Định mức phân bổ

1. Chi sự nghiệp giáo dục:

1.1. Đối với cấp tỉnh và cấp huyện:

a) Đối với phần cân đối trong ngân sách địa phương:

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của hệ giáo dục công lập trên cơ sở số biên chế, số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp) và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hằng năm theo tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương;

- Phân bổ chi khác bằng 18% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo mức tiền lương cơ sở 1.210.000 đồng. Trong thời kỳ ổn định ngân sách, trường hợp ngân sách trung ương tăng định mức chi khác theo mức tiền lương cơ sở thì thực hiện phân bổ theo mức phân bổ của ngân sách trung ương;

- Phân bổ kinh phí đặc thù đối với giáo viên, học sinh trường chuyên theo quy định;

- Phân bổ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do địa phương quy định; kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn các cơ sở giáo dục; kinh phí sự nghiệp ngành giáo dục do tỉnh quản lý theo khả năng của ngân sách địa phương.

b) Đối với phần cân đối theo mục tiêu của ngân sách trung ương, phân bổ bằng với mức phân bổ của ngân sách trung ương, gồm:

- Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh dân tộc đang học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú, nội trú;

- Kinh phí hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng khó khăn; kinh phí chi đặc thù của các trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp;

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em từ 3 - 5 tuổi;

- Kinh phí chi học bổng, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khuyết tật;

- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số đang học tại các cơ sở giáo dục đại học.

1.2. Định mức phân bổ đối với cấp xã: 68 triệu đồng/xã/năm (bao gồm kinh phí khuyến học theo Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020").

2. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

2.1. Đối với cấp tỉnh:

a) Hệ dạy nghề, phân bổ theo chỉ tiêu tuyển sinh:

- Cao đẳng: 08 triệu đồng/sinh viên/năm;

- Trung cấp: 06 triệu đồng/học viên/năm.

b) Hệ chuyên nghiệp, phân bổ theo chỉ tiêu tuyển sinh:

- Cao đẳng sư phạm: 09 triệu đồng/sinh viên/năm;

- Cao đẳng ngoài sư phạm: 07 triệu đồng/sinh viên/năm;

- Trung cấp: 05 triệu đồng/học sinh/năm.

c) Hệ đào tạo, bồi dưỡng phân bổ theo chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng:

- Đại học: 12 triệu đồng/suất đào tạo;

- Cao đẳng: 09 triệu đồng/suất đào tạo;

- Cao cấp chính trị: 09 triệu đồng/suất đào tạo;
- Trung cấp: 05 triệu đồng/suất đào tạo;
- Bồi dưỡng từ 3 - 6 tháng: 01 triệu đồng/suất bồi dưỡng;
- Các lớp bồi dưỡng dưới 3 tháng, tùy theo thời gian và kế hoạch mở lớp, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng lớp bồi dưỡng.

Trường hợp các đơn vị đào tạo không thực hiện đủ chỉ tiêu tuyển sinh theo kế hoạch hàng năm, thì thu hồi kinh phí tương ứng với chỉ tiêu không thực hiện.

d) Phân bổ kinh phí thực hiện Đề án đào tạo, nâng cao và phát triển nguồn nhân lực, Đề án đào tạo nghề chất lượng cao; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đào tạo theo chương trình, đề án của tỉnh (bố trí theo lộ trình thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của ngân sách địa phương).

2.2. Đối với cấp huyện:

a) Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện:

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số biên chế, số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 2% tổng quỹ lương;

- Phân bổ chi khác bằng 80% định mức chi của khối quản lý hành chính quy định tại khoản 12 Quy định này;

- Trường hợp Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng từ 3 đến 6 tháng, được bổ sung kinh phí bằng mức chi cho một suất bồi dưỡng của cấp tỉnh. Đối với các lớp bồi dưỡng dưới 3 tháng do tỉnh giao nhiệm vụ (nếu có), tùy theo thời gian và kế hoạch mở lớp, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho từng lớp bồi dưỡng. Đối với các lớp bồi dưỡng dưới 3 tháng do cấp huyện giao nhiệm vụ, ngân sách cấp huyện tự cân đối.

b) Phân bổ kinh phí hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng theo Quyết định số 70/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

3. Chi sự nghiệp y tế:

3.1. Đối với tuyến tỉnh:

a) Đối với phân cân đối trong ngân sách địa phương:

- Hệ dự phòng, định mức phân bổ tính theo dân số toàn tỉnh: 40.000 đồng/người dân;

- Hệ điều trị, định mức phân bổ tính theo giường bệnh được cấp có thẩm quyền giao:

- + Khu điều trị phong: 110 triệu đồng/giường bệnh;

- + Bệnh viện đa khoa, Bệnh viện nhi: 100 triệu đồng/giường bệnh;
- + Bệnh viện y học cổ truyền, Bệnh viện phục hồi chức năng: 80 triệu đồng/giường bệnh;
- Kinh phí chi mua sắm, sửa chữa: Phân bổ tối đa bằng 5% tổng chi của hệ dự phòng và hệ điều trị;
- Bổ sung kinh phí cho Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương;
- Phân bổ kinh phí thực hiện Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng đặc biệt khó khăn.

b) Đối với phân cân đối theo mục tiêu của ngân sách trung ương, phân bổ bằng với mức phân bổ của ngân sách trung ương (kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội, học sinh, sinh viên, hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn, cựu chiến binh, thanh niên xung phong, đối tượng tham gia kháng chiến Lào, Campuchia...).

3.2. Đối với tuyến huyện:

a) Hệ điều trị:

- Đối với trung tâm y tế có bệnh viện, định mức phân bổ tính theo giường bệnh được cấp có thẩm quyền giao:

+ Trung tâm y tế các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh và Bảo Lâm: 78 triệu đồng/giường bệnh;

+ Trung tâm y tế các huyện Lạc Dương, Đam Rông, Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên: 81 triệu đồng/giường bệnh;

- Đối với trung tâm y tế không có bệnh viện:

+ Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số biên chế, số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 2% tổng quỹ lương;

+ Phân bổ chi khác bằng 80% định mức chi của khối quản lý hành chính quy định tại khoản 12 Quy định này;

+ Phân bổ kinh phí trực chuyên môn y tế theo quy định.

b) Y tế xã:

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số biên chế, số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 2% tổng quỹ lương;

- Phân bổ chi khác bằng định mức chi của khối quản lý hành chính quy định tại khoản 13 Quy định này.

c) Đối với phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản, phân bổ theo Nghị quyết số 87/2013/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

d) Đối với hệ dự phòng và y tế khác, phân bổ theo dân số trên địa bàn như sau:

- Dân số từ 01 đến 30.000 người: 120.000 đồng/người/năm;
- Dân số từ 30.001 đến 90.000 người: 30.000 đồng/người tăng thêm/năm;
- Dân số trên 90.000 người: 7.500 đồng/người tăng thêm/năm;

e) Đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình cấp huyện và cấp xã:

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số biên chế, số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 2% tổng quỹ lương;

- Phân bổ chi khác:

+ Cấp huyện: Bằng 80% định mức chi của khối quản lý hành chính quy định tại khoản 12 Quy định này;

+ Cấp xã: Bằng định mức chi cho cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 13 Quy định này;

- Phân bổ kinh phí chi phụ cấp cho cộng tác viên dân số theo quy định.

3.3. Đối với cấp xã, định mức phân bổ 25 triệu đồng/xã/năm.

4. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin:

4.1. Đối với cấp tỉnh:

- Định mức phân bổ tính theo dân số toàn tỉnh: 22.500 đồng/người/năm (bao gồm chi cho sự nghiệp gia đình, hoạt động du lịch, hỗ trợ đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và đội thông tin lưu động);

- Phân bổ kinh phí hoạt động của Nhà thiếu nhi tỉnh:

+ Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số biên chế, số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 2% tổng quỹ lương;

+ Phân bổ chi khác bằng 80% định mức chi của khối quản lý hành chính quy định tại khoản 12 Quy định này.

+ Phân bổ kinh phí đào tạo năng khiếu cho thiếu nhi theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4.2. Đối với cấp huyện:

- Phân bổ theo dân số trên địa bàn như sau:
 - + Dân số từ 01 đến 30.000 người: 36.000 đồng/người/năm;
 - + Dân số từ 30.001 đến 90.000 người: 9.000 đồng/người tăng thêm/năm;
 - + Dân số trên 90.000 người: 2.500 đồng/người tăng thêm/năm;
- Phân bổ kinh phí hoạt động của nhà thiếu nhi (nếu có):
 - + Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số biên chế, số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 2% tổng quỹ lương;
 - + Phân bổ chi khác bằng 80% định mức chi khác của khối quản lý hành chính quy định tại khoản 12 Quy định này;
 - + Phân bổ kinh phí thực hiện đào tạo năng khiếu cho thiếu nhi theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.
- Phân bổ kinh phí hoạt động cho các đội thông tin lưu động cấp huyện: 250 triệu đồng/đội/năm.

4.3. Đối với cấp xã, định mức phân bổ 27,5 triệu đồng/xã/năm.

5. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình:

5.1. Đối với cấp tỉnh: Định mức phân bổ tính theo dân số toàn tỉnh: 18.200 đồng/người/năm (bao gồm kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh như: Quảng bá các kênh truyền hình của địa phương trên vệ tinh VINASAT-1, hỗ trợ các trạm phát lại cấp huyện).

5.2. Đối với cấp huyện:

- Phân bổ theo dân số trên địa bàn như sau:
 - + Dân số từ 1 đến 30.000 người: 40.000 đồng/người/năm;
 - + Dân số từ 30.001 đến 90.000 người: 10.000 đồng/người tăng thêm/năm;
 - + Dân số trên 90.000 người: 2.500 đồng/người tăng thêm/năm;
- Phân bổ kinh phí hỗ trợ các trạm phát lại: 330 triệu đồng/trạm/năm;

5.3. Đối với cấp xã, định mức phân bổ 16,8 triệu đồng/xã/năm.

Đối với các xã có trạm phát thanh không dây, được hỗ trợ thêm kinh phí để duy tu, sửa chữa với mức 10 triệu đồng/xã/năm.

6. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

- Sự nghiệp khoa học và công nghệ chỉ phân bổ ở cấp tỉnh bằng với mức ngân sách trung ương giao;

- Ngoài ra, căn cứ khả năng của ngân sách và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương, thực hiện phân bổ thêm kinh phí cho sự nghiệp khoa học và công nghệ.

7. Chi sự nghiệp thể dục thể thao:

7.1. Đối với cấp tỉnh:

- Định mức phân bổ tính trên dân số toàn tỉnh: 13.000 đồng/người dân/năm (bao gồm kinh phí chi cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng vận động viên năng khiếu các bộ môn thể thao);

- Phân bổ kinh phí cho đội tuyển bóng đá của tỉnh tập luyện và tham gia các giải bóng đá quốc gia do Liên đoàn bóng đá Việt Nam tổ chức theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

- Phân bổ kinh phí thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu theo Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu theo mức phân bổ của ngân sách trung ương.

7.2. Đối với cấp huyện, phân bổ theo dân số trên địa bàn như sau:

- Dân số từ 01 đến 30.000 người: 16.000 đồng/người/năm;

- Dân số từ 30.001 đến 90.000 người: 4.000 đồng/người tăng thêm/năm;

- Dân số trên 90.000 người: 1.000 đồng/người tăng thêm/năm.

7.3. Đối với cấp xã, định mức phân bổ 20 triệu đồng/xã/năm.

8. Chi đảm bảo xã hội:

8.1. Đối với cấp tỉnh:

a) Đối với phần cân đối trong ngân sách địa phương:

- Phân bổ chi đảm bảo xã hội theo dân số của toàn tỉnh: 17.000 đồng/người/năm;

- Phân bổ kinh phí ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay hộ nghèo, xuất khẩu lao động theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

b) Đối với phần cân đối theo mục tiêu của ngân sách trung ương: Phân bổ kinh phí hỗ trợ gia đình chính sách theo mức ngân sách trung ương cân đối.

8.2. Đối với cấp huyện:

a) Đối với phần cân đối trong ngân sách địa phương, phân bổ theo dân số trên địa bàn như sau:

- Dân số từ 01 đến 30.000 người: 80.000 đồng/người/năm;

- Dân số từ 30.001 đến 90.000 người: 20.000 đồng/người tăng thêm/năm;

- Dân số trên 90.000 người: 5.000 đồng/người tăng thêm/năm.

b) Đối với phần cân đối theo mục tiêu của ngân sách trung ương: Phân bổ kinh phí thực hiện Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội theo mức ngân sách trung ương cân đối.

8.3. Đối với cấp xã, định mức phân bổ 30,5 triệu đồng/xã/năm.

Ngoài ra, cấp xã còn được bổ sung thêm kinh phí để thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trên cơ sở số lượng thực tế theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ về việc bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã; Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường.

9. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

9.1. Đối với cấp tỉnh, phân bổ bằng 1% tổng chi ngân sách cấp tỉnh.

9.2. Đối với cấp huyện:

- Thành phố Đà Lạt, phân bổ bằng 6 % tổng chi ngân sách thành phố;
- Thành phố Bảo Lộc và huyện Đức Trọng, phân bổ bằng 5% tổng chi ngân sách cấp huyện;
- Các huyện còn lại, phân bổ bằng 2 % tổng chi ngân sách cấp huyện.

Ngoài ra, thành phố Đà Lạt và thành phố Bảo Lộc còn được phân bổ kinh phí đặt hàng hoạt động xử lý nước thải và hỗ trợ kinh phí xử lý chất thải rắn theo đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9.3. Đối với cấp xã, phân bổ bằng 0,5 % tổng chi ngân sách cấp xã.

10. Chi an ninh:

10.1. Đối với cấp tỉnh:

- Định mức phân bổ tính theo dân số trên địa bàn tỉnh: 7.200 đồng/người/năm;
- Phân bổ kinh phí hỗ trợ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy.

10.2. Đối với cấp huyện:

- Phân bổ theo dân số trên địa bàn như sau:

- + Dân số từ 01 đến 30.000 người: 22.000 đồng/người/năm;
- + Dân số từ 30.001 đến 90.000 người: 4.000 đồng/người tăng thêm/năm;
- + Dân số trên 90.000 người: 1.000 đồng/người tăng thêm/năm.

Định mức trên bao gồm kinh phí hỗ trợ cho hoạt động phòng, chống cháy nổ.

10.3. Đối với cấp xã, định mức phân bổ 27 triệu đồng/xã/năm.

Ngoài ra, cấp xã còn được phân bổ kinh phí thực hiện chế độ đối với công an viên, bảo vệ dân phố theo quy định.

11. Chi quốc phòng:

11.1. Đối với cấp tỉnh, phân bổ theo dân số trên địa bàn toàn tỉnh: 17.000 đồng/người/năm (bao gồm kinh phí cho hoạt động giáo dục quốc phòng và dự bị động viên...).

11.2. Đối với cấp huyện:

- Phân bổ theo dân số trên địa bàn như sau:

+ Dân số từ 01 đến 30.000 người: 24.000 đồng/người/năm;

+ Dân số từ 30.001 đến 90.000 người: 6.000 đồng/người tăng thêm/năm;

+ Dân số trên 90.000 người: 1.500 đồng/người tăng thêm/năm;

- Phân bổ kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ;

- Phân bổ kinh phí tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ.

11.3. Đối với cấp xã, định mức phân bổ 27 triệu đồng/xã/năm.

Ngoài ra, cấp xã còn được phân bổ kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ.

12. Chi quản lý hành chính (bao gồm quản lý nhà nước, hoạt động của cơ quan Đảng, đoàn thể và hội đặc thù) cấp tỉnh, cấp huyện:

12.1. Phân bổ kinh phí chi thường xuyên:

a) Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 2% tổng quỹ lương;

b) Phân bổ chi khác theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao:

- 10 biên chế đầu, định mức phân bổ 34 triệu đồng/biên chế/năm;

- 10 biên chế tiếp theo, định mức phân bổ 29 triệu đồng/biên chế/năm;

- Các biên chế còn lại, định mức phân bổ 25 triệu đồng/biên chế/năm.

Chi khác theo định mức trên để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao như:

(i) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên (bao gồm các khoản khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị phí, văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu,...);

(ii) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên (bao gồm chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực

hiện chỉ đạo, kiểm tra; chỉ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật,...);

(iii) Các khoản chi mua sắm, thay thế trang thiết bị và phương tiện làm việc; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản; chi khác...

Khi giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, ủy ban nhân dân cấp huyện giao chi khác tối thiểu bằng 80% định mức nêu trên, phần còn lại để thực hiện nhiệm vụ đột xuất phát sinh trên địa bàn cấp huyện.

12.2. Phân bổ kinh phí chi đặc thù:

a) Kinh phí chi đặc thù của cơ quan Đảng theo phê duyệt của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; kinh phí phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; kinh phí phục vụ một số hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; kinh phí đặc thù của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh tỉnh theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

b) Kinh phí may sắm trang phục ngành theo quy định; kinh phí trích theo số thu thực nộp ngân sách nhà nước.

c) Kinh phí đảm bảo hoạt động của đại biểu hội đồng nhân dân cấp huyện.

d) Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện với mức 2.500 triệu đồng/huyện, thành phố/năm và phân bổ kinh phí tổ chức đại hội các tổ chức đoàn thể cấp huyện với mức 300 triệu đồng/huyện, thành phố;

e) Phân bổ kinh phí để mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cho khối quản lý hành chính toàn tỉnh theo khả năng của ngân sách địa phương;

g) Phân bổ kinh phí hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng theo Quyết định số 99/QĐ-TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về ban hành Quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở.

h) Đối với các cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao bổ sung nhiệm vụ, thì được phân bổ kinh phí để thực hiện căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

13. Chi quản lý hành chính cấp xã:

13.1. Đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã:

- Phân bổ kinh phí chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định; trong đó, phân bổ kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 2% tổng quỹ lương.

- Phân bổ kinh phí chi thường xuyên khác để phục vụ hoạt động điều hành chung của cấp xã theo số lượng cán bộ, công chức cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt với mức 15,3 triệu đồng/người/năm;

- Phân bổ kinh phí khoán cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 87/2013/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

- Phân bổ kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã: 50 triệu đồng/xã/năm;

- Phân bổ kinh phí chi phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã theo quy định;

- Phân bổ kinh phí thực hiện chế độ đối với nhân viên thú y xã, khuyến nông viên, Ban lâm nghiệp xã; kinh phí tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; phục vụ công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện chế độ hòa giải ở cơ sở theo Nghị quyết số 123/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định mức chi hỗ trợ cho hoạt động của hòa giải viên và tổ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; lấy phiếu tín nhiệm; hỗ trợ các chi hội thuộc tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp vùng khó khăn và các chế độ khác theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

13.2. Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố:

- Phân bổ phụ cấp và các khoản đóng góp của những người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố theo quy định hiện hành;

- Phân bổ chi thường xuyên khác đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo mức 2,5 triệu đồng/người/năm;

- Phân bổ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố và các tổ chức chính trị - xã hội thôn, tổ dân phố và kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" với mức:

- + Đối với thôn thuộc xã loại 1, xã loại 2, xã trọng điểm, bằng 9,3 lần mức tiền lương cơ sở/thôn/năm;

- + Đối với thôn còn lại, tổ dân phố, bằng 8,3 lần mức tiền lương cơ sở/thôn, tổ dân phố/năm.

14. Chi sự nghiệp kinh tế:

14.1. Đối với cấp tỉnh:

a) Đối với phần cân đối trong ngân sách địa phương:

- Phân bổ tối thiểu 10% trên tổng chi ngân sách cấp tỉnh; trong đó, đối với các đơn vị sự nghiệp, công ty lâm nghiệp được cấp có thẩm quyền giao biên chế, số lượng người làm việc được phân bổ đủ quỹ lương và phân bổ chi khác như sau:

+ Các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, phân bổ bằng 100% định mức chi quản lý hành chính quy định tại khoản 12 Quy định này;

+ Các đơn vị trực thuộc các sở, ngành và các công ty lâm nghiệp, phân bổ bằng 80% định mức chi quản lý hành chính quy định tại khoản 12 Quy định này;

b) Đối với phần cân đối theo mục tiêu của ngân sách trung ương: Phân bổ kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí theo mức phân bổ của ngân sách trung ương.

14.2. Đối với cấp huyện:

- Thành phố Đà Lạt và thành phố Bảo Lộc, phân bổ tối thiểu 9% trên tổng chi thường xuyên của ngân sách thành phố;

- Các huyện còn lại, phân bổ tối thiểu 8,5% trên tổng chi thường xuyên của ngân sách huyện;

- Riêng các đô thị, được bổ sung kinh phí để đảm bảo duy tu, sửa chữa, kiến thiết thị chính, quản lý đô thị với mức:

- + Đô thị loại I: 76.500 triệu đồng/năm;
- + Đô thị loại II: 46.500 triệu đồng/năm;
- + Đô thị loại III: 12.750 triệu đồng/năm;
- + Đô thị loại IV: 8.500 triệu đồng/năm;
- + Đô thị loại V: 5.000 triệu đồng/năm.

Trong thời kỳ ổn định, nếu các địa phương có nâng cấp đô thị theo quyết định của cấp có thẩm quyền, thì được cấp phần kinh phí chênh lệch tăng thêm.

- Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tái cơ cấu kinh tế,... theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

14.3. Đối với cấp xã, phân bổ 1,5% trên tổng chi của ngân sách cấp xã.

15. Các khoản chi khác:

15.1. Đối với cấp tỉnh:

- Bổ sung kinh phí cho Quỹ thi đua - khen thưởng tỉnh;
- Phân bổ kinh phí chi tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn và Festival Hoa;
- Phân bổ kinh phí cấp vốn điều lệ cho các quỹ;
- Phân bổ kinh phí phục vụ công tác xử lý vi phạm hành chính;
- Phân bổ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phát sinh đột xuất nhưng chưa được cân đối ngay từ đầu năm theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

15.2. Đối với cấp huyện và cấp xã:

- Bổ sung kinh phí cho Quỹ thi đua - khen thưởng cấp huyện và cấp xã;
- Phân bổ kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ được giao theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương;
- Phân bổ bằng 0,5% tổng chi của ngân sách từng cấp để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phát sinh đột xuất nhưng chưa được cân đối ngay từ đầu năm./.

ly

CHỦ TỊCH



Trần Đức Quận

Trần Đức Quận